

Số: /2024/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019; Điều 20 Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu và phê chuẩn;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; khoản 7 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; khoản 3 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022; khoản 2 Điều 71 Luật Viên thông ngày 24/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thực hiện Văn bản số 338/HĐND-KTNS ngày 23/6/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 149/TTr-STC ngày 13/4/2024 về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng**

1. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng cho các hoạt động:

STT	Loại diện tích/Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính</b>	
1	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	1.000
2	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	500
3	Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã	100
<b>II</b>	<b>Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân</b>	
1	Trụ sở tiếp công dân tỉnh	1.000
2	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	200
3	Ủy ban nhân dân cấp huyện	200
4	Ủy ban nhân dân cấp xã	100
<b>III</b>	<b>Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin</b>	
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	100
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện	50
<b>IV</b>	<b>Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên), không kể sân khấu, có trang bị bàn viết: 02 m<sup>2</sup>/chỗ ngồi.</b>	

2. Đối với diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù và kho chuyên ngành của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có), căn cứ nhu cầu thực tế, cơ quan, tổ chức, đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng về nhu cầu diện tích sử dụng.

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Theo chức năng, nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, quy định pháp luật chuyên ngành về xây dựng và quy chuẩn xây dựng hiện hành để ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp (Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện); cơ quan có chức năng về xây dựng cùng cấp (Sở Xây dựng hoặc Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện).

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định tại Quyết định này và pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

a) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định việc lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp về diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang đảm bảo chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quyết định này ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 6. Xử lý chuyển tiếp**

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố

trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể. Nếu vượt diện tích theo tiêu chuẩn, định mức thì bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo sử dụng hiệu quả, hết công năng của trụ sở làm việc.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2024 và thay thế Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Như Điều 7 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh Tuyên Quang; Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (VânTH).

(Báo  
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**